

Bản án số: 755/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 25 – 12 - 2020
V/v tranh chấp: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Giang

Ông Dương Xuân Đỉnh

- Thư ký phiên tòa : Ông Nguyễn Văn Hùng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 196/2019/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2019 về việc: *Ly hôn*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 97/2020/QĐXX-ST ngày 15 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Hoàng Đức S**, sinh năm 1977; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn LK, xã LH, huyện ĐA, Thành phố Hà Nội.

Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1979; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn LK, xã LH, huyện ĐA, Thành phố Hà Nội.

Có mặt tại phiên tòa.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông **Phạm Quốc T**, bà **Lã Thị A** – Luật sư Văn phòng luật sư QT – Đoàn luật sư thành phố Hà Nội.

Vắng mặt tại phiên tòa (Đã có đơn xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – anh Hoàng Đức S:

- Về quan hệ hôn nhân và mâu thuẫn vợ chồng: Anh và chị T kết hôn năm 2005, trước khi kết hôn anh chị được tự do tìm hiểu, tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LH ngày 10/5/2005. Sau khi cưới anh chị về

chung sống tại thôn LK, xã LH, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội cùng bố mẹ anh S, đến năm 2008 thì vợ chồng ra ở riêng trên đất của gia đình anh.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng anh chị lại hiếm muộn, đến năm 2015 mới sinh được con. Trước khi chị T sinh con do hiếm muộn quá lâu nên anh và chị T có thống nhất với nhau là anh sẽ sinh con với người khác. Vì vậy năm 2014, anh có quan hệ với một người phụ nữ khác và sinh một con gái. Sau khi chị T sinh cháu N thì anh lại tiếp tục quan hệ với người phụ nữ đó và sinh thêm được một con trai. Tuy nhiên việc này hai vợ chồng đã thống nhất nên không phát sinh mâu thuẫn. Mâu thuẫn của anh chị không cụ thể về vấn đề gì nhưng quan điểm không trùng nhau nên khi trao đổi chuyện gì là vợ chồng lại xảy ra cãi vã. Trước đây giữa chị T với bố mẹ chồng, anh chị em và gia đình nhà chồng đều hòa thuận, không xảy ra vấn đề gì. Tuy nhiên khi anh trai anh mất (tháng 12 Âm lịch năm 2018), các con của anh và người phụ nữ kia về để nhìn mặt bác lần cuối thì chị T đuổi đi. Anh và gia đình anh không nhất trí với quan điểm của chị T như vậy, anh khuyên chị T nên xin lỗi bố mẹ anh nhưng chị T không nghe nên vợ chồng không nói chuyện với nhau nữa. Vợ chồng có mâu thuẫn như vậy nhưng gia đình hai bên chưa tổ chức hòa giải, nhưng đã có góp ý cho từng người; địa phương chưa khi nào hòa giải vì anh chị không yêu cầu. Từ sau khi xảy ra mâu thuẫn, anh ăn uống bên nhà bố mẹ đẻ; sau đó về nhà ngủ một phòng riêng, còn chị và con tự ăn uống ở nhà. Giữa anh và người đàn bà kia không có tình cảm gì, quan hệ chỉ vì muốn có con. Năm 2017, anh đã làm đơn đến Tòa án nhân dân huyện Đông Anh để yêu cầu giải quyết ly hôn. Khi đó, anh được Tòa án tham gia hòa giải nên đã rút đơn để vợ chồng về đoàn tụ. Tuy nhiên, anh chị chỉ đoàn tụ về ăn chung, ngủ chung được khoảng 01 tuần thì lại như cũ. Từ đó đến nay hai vợ chồng vẫn sống chung nhà nhưng không nói chuyện gì với nhau, không quan tâm hay trách nhiệm gì với nhau vẫn không ăn chung, ngủ chung.

Đến nay anh yêu cầu ly hôn vì chị T không thay đổi tính cách, anh đã tạo điều kiện để chị T về xin lỗi bố mẹ anh nhưng chị T không thực hiện. Anh xác định vẫn yêu thương chị T nhưng vì chị T không nghe lời anh nên anh mới phải yêu cầu ly hôn.

- Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Hoàng Kim N, sinh 22/01/2015. Hiện nay cháu N sức khỏe tốt, phát triển bình thường. Nếu ly hôn, anh sẽ để chị T trực tiếp nuôi con. Về cấp dưỡng nuôi con anh chị sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa anh S vẫn giữ toàn bộ yêu cầu theo đơn khởi kiện.

Quan điểm của bị đơn – chị Nguyễn Thị T:

- Về quan hệ hôn nhân và mâu thuẫn vợ chồng: Chị nhất trí như lời khai của anh S về thời gian, thủ tục kết hôn, quá trình chung sống.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Chị không đồng ý với lời khai của anh S. Anh chị chung sống với nhau không có mâu thuẫn gì. Đúng là vợ chồng hiếm muộn, phải đi chữa trị nhiều nơi nên đến năm 2015 mới sinh được cháu N. Sau khi sinh cháu N được khoảng nửa năm tự nhiên anh S không ăn cơm chung với mẹ con chị, chị vẫn nấu cơm bình thường nhưng anh S không ăn mà sang ăn với bố mẹ anh S. Hai vợ chồng cũng không ngủ cùng nhau, mỗi người ngủ một phòng, tôi và con ngủ tầng 1 còn anh S ngủ tầng 2. Chị hỏi anh S vợ chồng có vấn đề gì mà lại như vậy thì anh S không nói, nên chị cũng không hỏi lại nữa. Vợ chồng cứ sống như vậy, không xảy ra cãi vã gì nhưng không ăn chung, ngủ chung, có việc gì trong gia đình cần hai vợ chồng quyết định thì chị vẫn hỏi ý kiến anh S. Việc anh S quan hệ với người khác để sinh con thì chị cũng đồng ý nên mâu thuẫn vợ chồng không phát sinh từ chuyện đó. Chị xác định không có lỗi gì trong sự việc khi anh trai anh S mất chị không cho các con riêng của anh S về nhà. Còn việc anh S yêu cầu chị phải xin lỗi bố mẹ anh S thì chị cần phải có thời gian. Năm 2017, khi anh S yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn chị cũng không đồng ý ly hôn vì thấy vợ chồng vẫn còn tình cảm. Sau khi được Tòa án hòa giải anh S đã rút đơn về. Sau khi anh S rút đơn về vợ chồng chung sống với nhau, ăn chung, ngủ chung. Đến nay, anh S lại yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, quan điểm của chị là không đồng ý ly hôn. Chị không đồng ý ly hôn vì chị vẫn yêu thương chồng, vẫn muốn níu kéo hạnh phúc gia đình, muốn con có cả bố và mẹ. Việc anh S yêu cầu chị thay đổi thì chị sẽ thay đổi dần dần.

- Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Hoàng Kim N, sinh 22/01/2015. Hiện nay đang ở với anh chị, sức khỏe tốt, phát triển bình thường. Nếu phải ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con. Về cấp dưỡng nuôi con anh chị sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, công sức và nợ chung: Trước đây chị có làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung là nhà 02 tầng, diện tích một sàn khoảng 90m² mà anh chị có công sức xây dựng năm 2007 trên thửa đất số 20, tờ bản đồ số 05 thôn LK, xã LH đã được cấp GCNQSD đất đứng tên hộ gia đình bà Phạm Thị Nguyệt. Sau đó chị xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung nên đã làm đơn xin rút yêu cầu về việc chia tài sản chung khi ly hôn.

Tại phiên tòa, chị T vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án bác yêu cầu ly hôn của anh S và không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của chị T là luật sư Phạm Quốc Thanh và luật sư Lã Thị Ánh vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có văn bản trình bày ý kiến đề nghị Tòa án bác đơn yêu cầu ly hôn của anh S với chị T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự. Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử về cơ bản Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định, tuy nhiên vụ án thụ lý ngày 24/4/2019 đến ngày 15/12/2020 mới quyết định đưa vụ án ra xét xử là vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định pháp luật. Các đương sự chấp hành đầy đủ quy định pháp

luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Không chấp nhận yêu cầu của anh Hoàng Đức S về việc ly hôn chị Nguyễn Thị T.

Về án phí: Anh S phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ; căn cứ kết quả thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa; căn cứ việc hỏi tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận công khai tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Anh Hoàng Đức S và chị Nguyễn Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 10/5/2005 tại Ủy ban nhân dân xã LH, huyện ĐA, thành phố Hà Nội. Như vậy hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp. Anh chị đều có hộ khẩu thường trú tại huyện ĐA và hiện đang cư trú tại huyện ĐA. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Đông Anh thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tình cảm vợ chồng và nguyên nhân mâu thuẫn:

Anh S xác định vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, do anh chị hiếm muộn và do chị T đã cư xử không đúng mực trong lễ tang của anh trai anh. Chị T xác định vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn gì; vợ chồng anh chị hiếm muộn nhưng sau đó cũng đã sinh con năm 2015; chị thấy mình không có lỗi trong lễ tang của anh trai anh S nên không xin lỗi bố mẹ chồng.

Ông Hoàng Đ và bà Phạm Thị N: Ông bà xác định anh chị có mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do có con muộn, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, cư xử với nhau không đúng mực. Giữa chị T với gia đình nhà chồng không xảy ra vấn đề gì. Ông bà đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn.

Chính quyền địa phương xác định không nắm được mâu thuẫn của anh chị, chưa khi nào thấy anh chị xảy ra cãi vã; chưa khi nào chính quyền địa phương phải hòa giải, dàn xếp mâu thuẫn của anh chị. Địa phương đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng anh chị đoàn tụ, nuôi dạy con chung.

Như vậy xác định vợ chồng anh chị có mâu thuẫn nhưng đó chỉ là những mâu thuẫn nhỏ trong gia đình. Không có căn cứ để xác định có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặc dù anh S có con riêng nhưng việc đó anh chị đã thống nhất với nhau từ trước, anh chị cũng đều xác nhận việc này không làm phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Bản thân anh S cũng xác nhận anh vẫn yêu thương vợ, anh làm đơn ly hôn vì chị T không nghe lời anh trong việc xin lỗi bố mẹ anh. Hơn nữa chị T cũng hứa sẽ thay đổi dần dần. Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy cần tạo điều kiện

cho anh chị có thêm thời gian khắc phục mâu thuẫn để vợ chồng có cơ hội đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con chung. Do vậy không chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh S là phù hợp.

[3] Về con chung: Anh chị đều xác định có 01 con chung là Hoàng Kim N, sinh 22/01/2015. Do không chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh S nên không giải quyết về vấn đề nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung, công sức của vợ chồng và nợ chung: Tòa án đã thụ lý yêu cầu chia tài sản chung của chị T. Tuy nhiên chị T đã rút yêu cầu chia tài sản chung. Anh S nhất trí với việc chị T rút yêu cầu chia tài sản chung. Vì vậy, Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo:

Anh S phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
- Khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Hoàng Đức S về việc ly hôn chị Nguyễn Thị T.

2. Về con chung, tài sản chung, nợ chung, công sức: Do không chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn nên không xem xét, giải quyết.

3. Về án phí sơ thẩm:

- Án phí ly hôn sơ thẩm: 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), anh S phải chịu để sung công quỹ nhà nước nhưng được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí anh đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0008429 ngày 24/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh. Anh S đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội.
- VKSND huyện Đông Anh.
- THA dân sự huyện Đông Anh.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Quang Tuyến